

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **212/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 05/8/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Thịnh
2. Ông Hoàng Huy Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện S, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Ma Quang D, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Ma Quang D kết hôn với nhau năm 2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn ngày 08/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh T. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Do cuộc sống chung căng thẳng trầm trọng nên từ tháng 4 năm 2019 chị và anh D đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Quang D.

- *Về con chung*: Chị và anh Ma Quang D có 01 con chung là cháu Ma Quang B, sinh ngày 14/10/2017 hiện cháu đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu B đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, đất đai, công nợ chung*: Chị D xác định không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh Ma Quang D đến để giải quyết vụ án nhưng anh D đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh D vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh T. Theo lời khai của ông Ma Hồng Đ (là bố đẻ của anh D), anh D và chị D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau. Sau đó chị D mang theo con là cháu Ma Quang B về nhà bố mẹ đẻ tại xã H, huyện S, tỉnh T sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại anh D đi làm ăn tại thành phố H, vẫn thường xuyên liên lạc với ông và thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nơi anh D ở. Gia đình ông có nhận được các văn bản, tài liệu của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết nhưng anh D không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh D và chị D có 01 con chung là cháu Ma Quang B, cháu B đang sống cùng chị D tại xã H, huyện S, tỉnh T. Anh D và chị D không có tài sản, đất đai, công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương D được ly hôn với anh Ma Quang D; giao cháu Ma Quang B, sinh ngày 14/10/2017 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; chị Nguyễn Thị Phương D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo cung cấp của địa phương thì anh Ma Quang D có hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống thôn T, xã M, huyện H, tỉnh T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh D và gia đình anh D đã biết nhưng anh D không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương D và anh Ma Quang D kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không còn cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2019 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương D là xử cho chị D được ly hôn với anh Ma Quang D.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương D và anh Ma Quang D có 01 con chung là cháu Ma Quang B, sinh ngày 14/10/2017, hiện tại đang sống cùng với chị Dung tại xã H, huyện S, tỉnh T. Do anh D đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con cái thì cần giao cháu Ma Quang B cho chị Nguyễn Thị Phương D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị D không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương D không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Phương D được ly hôn với anh Ma Quang D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 10 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh T cấp ngày 08/4/2017 cho chị Nguyễn Thị Phương D và anh Ma Quang D không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung:* Giao cháu Ma Quang B, sinh ngày 14/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Phương D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Ma Quang D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Phương D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004661, ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; ghi nhận chị Nguyễn Thị Phương D đã thi hành xong khoản tiền án phí. Anh Ma Quang D không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Minh Dân (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Thị Tuyết Mai